

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên gọi của Trường

- Tên gọi bằng tiếng Việt: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng
- Tên gọi bằng tiếng Anh: University of Foreign Language Studies, the University of Da Nang

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của Trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Trường

- Địa chỉ trụ sở chính: 131 Lương Nhữ Hộc, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
- Các địa chỉ hoạt động khác: 41 Lê Duẩn, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: 0236.3699.324
- Địa chỉ thư điện tử: dhnn@ufl.udn.vn
- Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử: <https://ufl.udn.vn/vie/>

3. Loại hình hoạt động, cơ quan quản lý trực tiếp

- Loại hình hoạt động: Công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

a) Sứ mạng:

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng có sứ mạng đào tạo và nghiên cứu ngôn ngữ, văn hóa, văn minh nhân loại, góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

b) Tầm nhìn:

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng sẽ là trung tâm đào tạo, nghiên cứu ngôn ngữ, văn hóa, xã hội và nhân văn ngang tầm khu vực và quốc tế.

c) Mục tiêu:

- Không ngừng nâng cao vai trò, vị thế của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng với tư cách là một trường đại học mang tầm vóc quốc gia và khu vực.

- Đầu tư phát triển toàn diện các chương trình đào tạo, các chương trình bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên; tập trung nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ, nghiên cứu ngôn ngữ học, quốc tế học và một số lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, góp phần vào sự nghiệp phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường cung cấp các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội theo chuẩn quốc tế về các lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ, ngôn ngữ học, quốc tế học và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn có liên quan.

- Trở thành một trung tâm khảo thí ngoại ngữ trọng điểm tại miền Trung-Tây Nguyên, thực hiện các hoạt động khảo thí quốc tế.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Trường

Ngày 05/4/1985, **Cơ sở Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Đà Nẵng** – tiền thân của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng – được thành lập trên cơ sở đổi tên Khoa Ngoại ngữ thuộc Trường Đại học Sư phạm Huế đặt tại Đà Nẵng theo **Quyết định số 374/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục**. Đến ngày 11/4/1985, Cơ sở này được chuyển về trực thuộc Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn theo Quyết định số 395B/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Cơ sở đặt tại **số 17 (nay là 41) Lê Duẩn, Đà Nẵng**.

Ngày 04/4/1994, theo Nghị định số 32/CP của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại các trường, Cơ sở được sáp nhập với Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Nẵng, trở thành Trường Đại học Sư phạm – một trong năm trường thành viên đầu tiên của Đại học Đà Nẵng.

Ngày **26/8/2002**, **Trường Đại học Ngoại ngữ** thuộc Đại học Đà Nẵng chính thức được thành lập theo **Quyết định số 709/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**, trên cơ sở tách 05 khoa ngoại ngữ từ Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, với 183 cán bộ giảng viên.

Hiện nay, theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, cơ cấu tổ chức của Trường gồm:

07 phòng chức năng: Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Cơ sở Vật chất, Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Phòng Công tác sinh viên.

09 khoa chuyên môn: Khoa tiếng Anh, Khoa tiếng Nga, Khoa tiếng Pháp, Khoa tiếng Anh chuyên ngành, Khoa Quốc tế học, Khoa tiếng Trung, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc.

01 tổ chuyên môn: Tổ tiếng Thái Lan.

03 trung tâm: Trung tâm Công nghệ Thông tin và Học liệu, Trung tâm Ngoại ngữ Đà Nẵng, Trung tâm Khảo thí Ngoại ngữ Đà Nẵng

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

- Họ và tên: Nguyễn Văn Long
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: 131 Lương Nhữ Hộc, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0236.3699.324
- Địa chỉ thư điện tử: nvlong@ufl.udn.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của Trường

- Quyết định số 709/QĐ-TTg ngày 26/8/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 3865/QĐ-HĐĐH ngày 05/11/2020 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 3866/QĐ-HĐĐH ngày 05/11/2020 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Danh sách thành viên Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025:

TT	Họ và tên
1.	TS. Đào Thị Thanh Phượng <i>Chủ tịch Hội đồng trường</i>
2.	PGS.TS. Nguyễn Văn Long <i>Hiệu trưởng</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>
3.	TS. Huỳnh Ngọc Mai Kha <i>Phó Hiệu trưởng</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>
4.	TS. Nguyễn Hữu Bình <i>Phó Hiệu trưởng</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>
5.	ThS. Nguyễn Văn Hân <i>Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính, Đại học Đà Nẵng</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>
6.	TS. Nguyễn Hữu Quý <i>Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính</i> <i>Thư ký Hội đồng trường</i>
7.	TS. Phạm Thị Thu Hương <i>Chủ tịch Công đoàn Trường Đại học Ngoại ngữ</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>
8.	TS. Nguyễn Trúc Thuyền <i>Trưởng khoa Khoa tiếng Trung</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>
9.	TS. Lê Thị Phương Loan <i>Trưởng phòng Phòng Khoa học & Hợp tác Quốc tế</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>
10.	TS. Lê Trung Chinh <i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>
11.	ThS. Lê Sơn Phong <i>Phó Giám đốc Sở Khoa học & Công nghệ Thành phố Đà Nẵng</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>
12.	Ông Nguyễn Đức Quỳnh <i>Tổng Giám đốc Furama Resort Danang</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>

TT	Họ và tên
13.	Ông Đỗ Trọng Hậu <i>Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>
14.	ThS. Nguyễn Thái Trung <i>Trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>
15.	ThS. Trần Nguyễn Minh Thành <i>Phó Giám đốc Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>
16.	Bà Phí Hạnh Nguyên <i>Ủy viên Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh</i> <i>Thành viên Hội đồng trường</i>

c) Quyết định bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Quyết định số 5238/QĐ-ĐHĐN ngày 18/12/2024 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghị quyết số 37/NQ-HĐT ngày 06/12/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng nhiệm kỳ 2020-2025 đối với TS. Nguyễn Hữu Bình.

- Quyết định số 72/QĐ-HĐT ngày 11/02/2020 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng nhiệm kỳ 2019-2024 đối với TS. Huỳnh Ngọc Mai Kha.

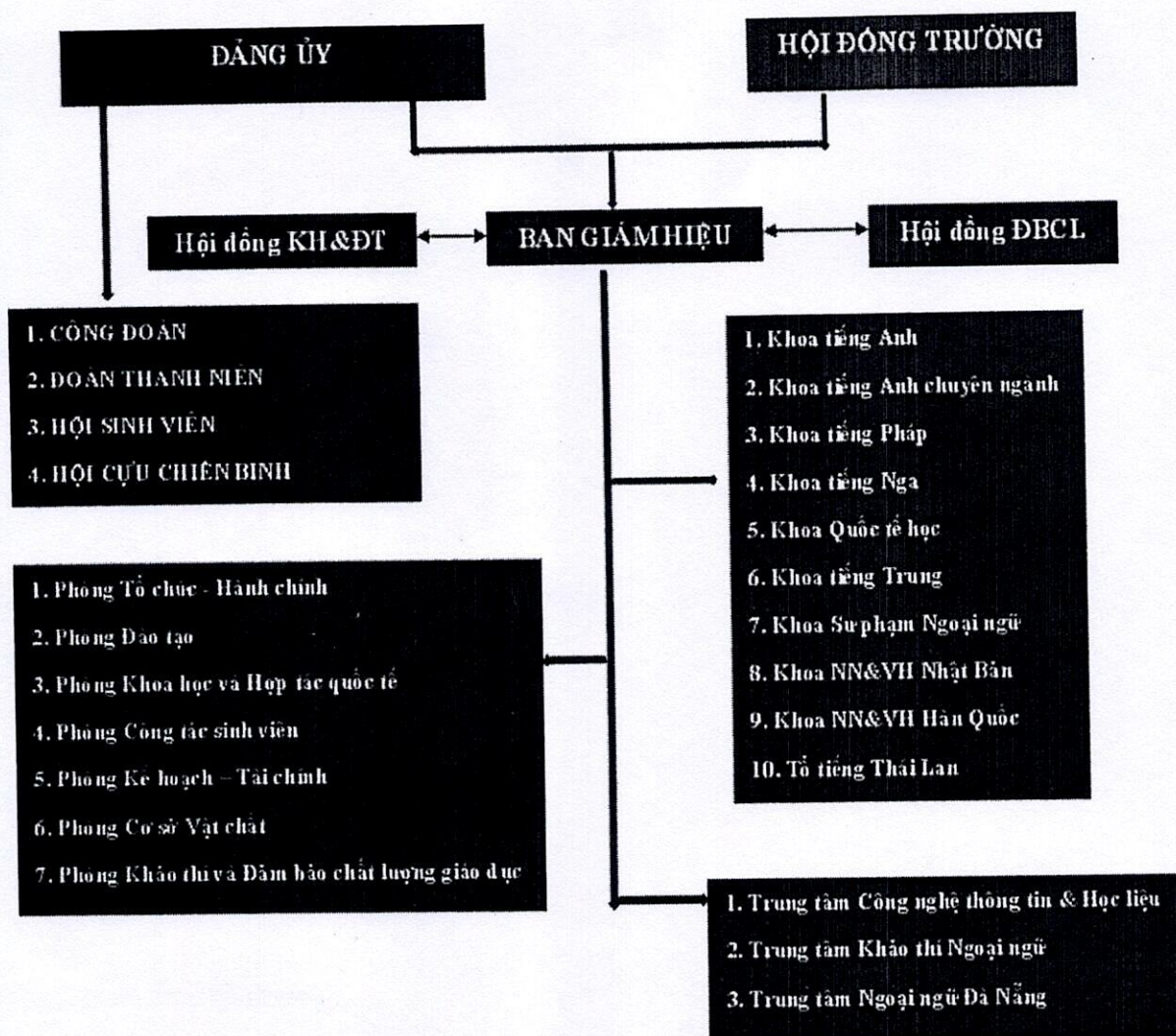
d) Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường

- Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 14/7/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 31/12/2021 và Nghị quyết số 23/NQ-HĐT ngày 10/6/2025.

- Nghị quyết số 27/NQ-HĐT ngày 31/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 4608/QĐ-ĐHNN ngày 05/12/2025 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy:



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có)

- Quyết định số 1255/TCCB ngày 01/9/2003 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc thành lập các Khoa của Trường Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 796/QĐ-TCCB ngày 13/4/2006 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Khoa Quốc tế học của Trường Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 177/QĐ-ĐHĐN ngày 05/01/2009 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ Đà Nẵng thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 6666/QĐ-ĐHĐN ngày 12/11/2014 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc thành lập các phòng chức năng thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ.

- Quyết định số 6738/QĐ-ĐHĐN ngày 05/12/2016 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Khoa Sư phạm Ngoại ngữ thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ.

- Quyết định số 496/QĐ-ĐHĐN ngày 14/02/2020 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Công nghệ Thông tin và Học liệu thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 991/QĐ-ĐHNN ngày 14/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc thành lập Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 992/QĐ-ĐHNN ngày 14/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc thành lập Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 993/QĐ-ĐHNN ngày 14/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc thành lập Tổ tiếng Thái Lan thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 2455/TCCB ngày 27/12/2005 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Nghiên cứu Ngôn ngữ - Văn hóa trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ.

- Quyết định số 2457/TCCB ngày 27/12/2005 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Dịch thuật trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ.

- Quyết định số 5127/QĐ-ĐHĐN ngày 02/10/2015 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên và Quan hệ Doanh nghiệp thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 896/QĐ-ĐHĐN ngày 16/3/2018 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Khảo thí Ngoại ngữ trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ.

- Nghị quyết số 17/NQ-HĐT ngày 21/4/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc sáp nhập Phòng Thanh tra – Pháp chế vào Phòng Tổ chức – Hành chính, Trường Đại học Ngoại ngữ.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của Trường ĐHNN (nếu có)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Email
Đảng ủy				
1.	TS. Đào Thị Thanh Phương	Bí thư	0236 3699 126	dtthuong@ufl.udn.vn
2.	PGS.TS. Nguyễn Văn Long	Phó Bí thư	0236 3699 992	nvlong@ufl.udn.vn
Ban Giám hiệu				
1.	PGS.TS. Nguyễn Văn Long	Hiệu trưởng	0236 3699 992	nvlong@ufl.udn.vn
2.	TS. Nguyễn Hữu Bình	Phó Hiệu trưởng	0236 3699 333	nhbinh@ufl.udn.vn
3.	TS. Huỳnh Ngọc Mai Kha	Phó Hiệu trưởng	0236 3699 332	hnmkha@ufl.udn.vn
Công đoàn				
1.	TS. Phạm Thị Thu Hương	Chủ tịch	0236 3699 920	ptthuong@ufl.udn.vn
2.	ThS. Nguyễn Thái Trung	Phó Chủ tịch	0236 3699 327	nttrung@ufl.udn.vn
Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên				
1.	ThS. Trần Văn Thành	Bí thư Đoàn Thanh niên	0236 3699 328	tvthanh@ufl.udn.vn
2.	ThS. Lê Thị Nhung	Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội Sinh viên	0236 3699 326	ltnhung@ufl.udn.vn
3.	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Phó Chủ tịch Hội Sinh viên	0236 3699 328	ntnganh@ufl.udn.vn

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Email
Hội Cựu chiến binh				
1.	TS. Đỗ Kim Thành	Chủ tịch	0236 3695 676	dkthanh@ufl.udn.vn
2.	CN. Nguyễn Đức Hòa	Phó Chủ tịch	0236 3699 016	ndhoa@ufl.udn.vn
Phòng Tổ chức – Hành chính				
1.	TS. Nguyễn Hữu Quý	Trưởng phòng	0236 3699 323	nhquy@ufl.udn.vn
2.	CN. Tân Thị Quyên	Phó Trưởng phòng	0236 3699 324	ttquyen@ufl.udn.vn
3.	ThS. Nguyễn Thị Kim Yến	Phó Trưởng phòng	0236 3699 795	ntkyen@ufl.udn.vn
4.	CN. Nguyễn Ngọc Quyền	Phó Trưởng phòng	0236 3699 324	nnquyen@ufl.udn.vn
Phòng Đào tạo				
1.	TS. Nguyễn Hữu Anh Vương	Trưởng phòng	0236 3699 676	vuongnguyen@ufl.udn.vn
2.	ThS. Huỳnh Lê Minh Châu	Phó Trưởng phòng	0236 3699 335	hlmchau@ufl.udn.vn
3.	ThS. Hoàng Như Quỳnh	Phó Trưởng phòng	0236 3699 335	hnquynh@ufl.udn.vn
Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế				
1.	TS. Lê Thị Phương Loan	Trưởng phòng	0236 3699 189	ltploan@ufl.udn.vn
2.	TS. Phan Thị Yến	Phó Trưởng phòng	0236 3699 340	ptyen@ufl.udn.vn
Phòng Công tác Sinh viên				
1.	TS. Nguyễn Lưu Diệp Ánh	Phó Trưởng phòng điều hành	0236 3797 585	nldanh@ufl.udn.vn
2.	ThS. Nguyễn Hoài Nam	Phó Trưởng phòng	0236 3699 796	nhnam@ufl.udn.vn
Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục				
1.	TS. Phạm Thị Tố Như	Phó Trưởng phòng điều hành	0236 3699 679	pttnhu@ufl.udn.vn
2.	ThS. Phạm Thị Ánh Phượng	Phó Trưởng phòng	0236 3699 322	ptaphuong@ufl.udn.vn
Phòng Kế hoạch – Tài chính				
1.	ThS. Nguyễn Thị Dung	Trưởng phòng	0236 3699 336	nthdung@ufl.udn.vn
2.	CN. Nguyễn Thị Phú Thọ	Phó Trưởng phòng	0236 3699 336	ntptho@ufl.udn.vn
Phòng Cơ sở Vật chất				
1.	ThS. Lê Duy Bảo	Trưởng phòng	0236 3797 474	ldbao@ufl.udn.vn
2.	ThS. Phan Quang Thịnh	Phó Trưởng phòng	0236 3699 016	pqthinh@ufl.udn.vn
3.	ThS. Đặng Ngọc Sang	Phó Trưởng phòng	0236 3699 016	dnsang@ufl.udn.vn
Khoa tiếng Anh				
1.	PGS.TS. Võ Thị Kim Anh	Phó Trưởng khoa điều hành	0236 3699 693	vtkanh@ufl.udn.vn
2.	PGS.TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Phó Trưởng khoa	0236 3699 693	ntqhoa@ufl.udn.vn
3.	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Trưởng khoa	0236 3699 693	ntthuong@ufl.udn.vn
Khoa tiếng Anh chuyên ngành				
1.	TS. Huỳnh Ngọc Mai Kha	Trưởng khoa	0236 3699 332	hnmkha@ufl.udn.vn
2.	ThS. Phạm Thị Ca Dao	Phó Trưởng khoa	0236 3699 328	ptcdao@ufl.udn.vn
Khoa tiếng Pháp				
1.	TS. Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng khoa	0236 3695 676	ntthtrang@ufl.udn.vn
2.	TS. Đỗ Kim Thành	Phó Trưởng khoa	0236 3695 676	dkthanh@ufl.udn.vn
Khoa tiếng Nga				
1.	ThS. Lưu Thị Thùy Mỹ	Phó Trưởng khoa điều hành	0236 3699 692	littmy@ufl.udn.vn
2.	ThS. Trần Thị Khánh Vy	Phó Trưởng khoa	0236 3699 692	ttkvy@ufl.udn.vn
Khoa tiếng Trung				
1.	TS. Nguyễn Hồng Thanh	Trưởng khoa	0236 3699 326	nhthanh@ufl.udn.vn

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Email
2.	ThS. Đỗ Thị Mỹ Linh	Phó Trưởng khoa	0236 3699 326	dtmlinh@ufl.udn.vn
Khoa Quốc tế học				
1.	TS. Nguyễn Võ Huyền Dung	Trưởng khoa	0236 3699 337	nvhdung@ufl.udn.vn
2.	ThS. Trần Thị Ngọc Hoa	Phó Trưởng khoa	0236 3699 337	ttnhoa@ufl.udn.vn
Khoa Sư phạm Ngoại ngữ				
1.	TS. Nguyễn Bích Diệu	Phó Trưởng khoa	0236 3699 177	nbdieu@ufl.udn.vn
2.	ThS. Nguyễn Hữu Tâm Thu	Phó Trưởng khoa	0236 3699 177	nhtthu@ufl.udn.vn
3.	TS. Đinh Thị Thủy	Phó Trưởng khoa	0236 3699 177	dtthuy@ufl.udn.vn
Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản				
1.	TS. Nguyễn Thị Như Ý	Trưởng khoa	0236 3699 341	ntny@ufl.udn.vn
2.	ThS. Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Phó Trưởng khoa	0236 3699 341	nthngoc@ufl.udn.vn
Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc				
1.	TS. Trần Thị Lan Anh	Trưởng khoa	02363 699 334	ttlanh@ufl.udn.vn
2.	TS. Nguyễn Ngọc Tuyền	Phó Trưởng khoa	02363 699 334	nntuyen@ufl.udn.vn
Tổ tiếng Thái Lan				
1.	ThS. Phan Trọng Bình	Quản lý, điều hành	0236 3699 331	ptbinh@ufl.udn.vn
Trung tâm Công nghệ Thông tin và Học liệu				
1.	ThS. Nguyễn Thái Trung	Giám đốc	0236 3699 327	nttrung@ufl.udn.vn
Trung tâm Ngoại ngữ Đà Nẵng				
1.	PGS.TS. Nguyễn Văn Long	Giám đốc	0236 3699 992	nvlong@ufl.udn.vn
2.	TS. Lê Thị Phương Loan	Phó Giám đốc	0236 3699 337	ltploan@ufl.udn.vn
Trung tâm Khảo thí Ngoại ngữ				
1.	TS. Huỳnh Ngọc Mai Kha	Giám đốc	0236 3699 332	hnmkha@ufl.udn.vn
2.	TS. Nguyễn Hữu Anh Vương	Phó Giám đốc	0236 3699 676	vuongnguyen@ufl.udn.vn
3.	TS. Nguyễn Hữu Quý	Phó Giám đốc	0236 3699 323	nhquy@ufl.udn.vn

8. Các văn bản khác của Trường

a) Chiến lược phát triển:

Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 29/3/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Ngoại ngữ đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

b) Quy chế dân chủ ở cơ sở:

Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 31/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

c) Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính:

- Quyết định số 964/QĐ-ĐHNN ngày 07/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định xử lý kỷ luật viên chức Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 1385/QĐ-ĐHNN ngày 05/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định Chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 2014/QĐ-ĐHNN ngày 12/6/2024.

- Quyết định số 1545/QĐ-ĐHNN ngày 10/5/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định về việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và các thủ tục liên quan tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 2924/QĐ-ĐHNN ngày 31/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định quản lý việc cử đi nước ngoài đối với viên chức, người lao động Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 1183/QĐ-ĐHNN ngày 03/4/2025 về việc ban hành Quy định phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác đối với viên chức, người lao động tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 1399/QĐ-ĐHNN ngày 31/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Ngoại ngữ và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1280/QĐ-ĐHNN ngày 24/7/2023, Quyết định số 2904/QĐ-ĐHNN ngày 18/8/2025, và Quyết định số 4872/QĐ-ĐHNN ngày 22/12/2025.

d) Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- Quyết định số 621/QĐ-ĐHNN ngày 12/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định ký hợp đồng lao động đối với giảng viên có trình độ cao đã nghỉ hưu của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Quyết định số 969/QĐ-ĐHNN ngày 19/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định ký hợp đồng lao động thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên		
	<i>Nhân văn</i>	20,0	19,7
	<i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>	30,3	21,8
	<i>Khoa học xã hội và hành vi</i>	20,9	20,0
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	93,81%	86,69%
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	33%	31,4%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo¹

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	308	0	207	101	14	0
	<i>Nhân văn</i>	256	0	176	80	12	0
	<i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>	18	0	12	6	0	0
	<i>Khoa học xã hội và hành vi</i>	34	0	19	15	2	0

¹ Các số liệu thống kê bảo đảm thống nhất với quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	286	0	190	96	12	0
	<i>Nhân văn</i>	237	0	162	75	10	0
	<i>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</i>	18	0	12	6	0	0
	<i>Khoa học xã hội và hành vi</i>	31	0	16	15	2	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ²

TT	Chỉ số	Năm 2025	Năm 2024
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	15	15
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	85	62
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	32%	26%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất³

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)	30,1	30,1
2	Diện tích sàn/người học (m2)	3,05	3,05
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	72,6%	70,3%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	63,92	58,17
5	Số bản sách/người học	5,1	3,0
6	Tỉ lệ phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	52,98	52,39
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	275	244,4

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo⁴

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn (m2)
1	Trụ sở chính	131 Lương Nhữ Hộc, Khuê Trung, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	15.970,8	13.576
2	Cơ sở 41 Lê Duẩn	41 Lê Duẩn, Hải Châu, Đà Nẵng	1.780	3.189
3	Cơ sở Khu đô thị ĐHĐN	Phường Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	52.743,8	7.100

² Chỉ tính số cán bộ quản lý và nhân viên các đơn vị hành chính phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ hỗ trợ cán bộ và sinh viên; không tính các đơn vị sản xuất, kinh doanh và dịch vụ hoạch toán riêng.

³ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 3 (Cơ sở vật chất) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

⁴ Diện tích đất và diện tích sàn được xác định theo quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn (m2)
4	Đại học Đà Nẵng	Đại học Đà Nẵng		6.124
Tổng cộng			70.494,6	29.989

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ⁵	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà...	0	0
2	Nâng cấp tòa nhà...	Khu giảng đường	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...	0	0
	...		
Tổng cộng			0

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA)
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành
- Mức độ đạt kiểm định: 89,19%
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 09 tháng 8 năm 2022 đến ngày 09 tháng 8 năm 2027

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7310601	Quốc tế học	Quốc tế học	AUN-QA	20/03/2019-19/03/2024
2	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	AUN-QA	10/11/2019-09/11/2024
3	7140231	Sư phạm tiếng Anh	Sư phạm tiếng Anh	AUN-QA	27/09/2021-26/09/2026
4	7310608	Đông Phương học	Đông phương học	AUN-QA	04/12/2022-03/12/2027
5	7220203	Ngôn ngữ Pháp	Ngôn ngữ Pháp	VNU-CEA	16/03/2023-16/03/2028
6	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	VNU-CEA	16/03/2023-16/03/2028
7	7220209	Ngôn ngữ Nhật	Ngôn ngữ Nhật	VNU-CEA	16/03/2023-16/03/2028

⁵ Ghi: Trụ sở chính, tên cơ sở hoặc phân hiệu

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
8	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc	VNU-CEA	16/03/2023-16/03/2028
9	7140233	Sư phạm tiếng Pháp	Sư phạm tiếng Pháp	VNU-CEA	07/9/2023-07/9/2028
10	7140234	Sư phạm tiếng Trung Quốc	Sư phạm tiếng Trung Quốc	VNU-CEA	07/9/2023-07/9/2028
11	7220209	Ngôn ngữ Nhật	Ngôn ngữ Nhật (CLC)	VNU-CEA	07/9/2023-07/9/2028
12	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh, Tiếng Anh (CLC)	VNU-CEA	07/9/2023-07/9/2028
13	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh, Tiếng Anh thương mại (CLC)	VNU-CEA	07/9/2023-07/9/2028
14	7220202	Ngôn ngữ Nga	Ngôn ngữ Nga	VNU-CEA	07/9/2023-07/9/2028
15	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc (CLC)	VNU-CEA	07/9/2023-07/9/2028
16	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc (CLC)	VNU-CEA	07/9/2023-07/9/2028
17	7310601	Quốc tế học	Quốc tế học (CLC)	VNU-CEA	07/9/2023-07/9/2028
18	8222024	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	VNU-CEA	05/12/2025-05/12/2030
19	8140111	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	VNU-CEA	05/12/2025-05/12/2030

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo⁶

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	82.16%	77.9%

⁶ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 5 (Tuyển sinh và đào tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	8.05%	16.3%
3	Tỉ lệ thôi học	5.44%	6.35%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	3.98%	4.73%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	85%	75%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	65.4%	57.2%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	95,2%	95.8%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng với tổng thể	94,6%	93,6%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	71,8%	79,1%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ⁷
I	Đại học				
1	Lĩnh vực 1				
	Chính quy	299	101	86	
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
2	Lĩnh vực 7				
	Chính quy	7027	2136	1720	
	Vừa làm vừa học	187	40	29	
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	Lĩnh vực 1	156	112	31	
2	Lĩnh vực 7	73	34	17	
III	Tiến sĩ				
1	Lĩnh vực 1	6	6		
2	Lĩnh vực 7	9	3		

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ⁸

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu khoa học – công nghệ	7,2%	5.3%

⁷ Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng đúng chuyên môn đối với người tốt nghiệp đại học.

⁸ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 6 (Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0.56	0.31
3	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	0.08	0.1

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	0	0
3.1	Đề tài cấp cơ sở ĐHDN	2	300.000.000
3.1	Đề tài cấp cơ sở ĐHNN	18	565.000.000
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
Tổng số		20	865.000.000

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	155	71
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	12	12
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	1	3
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính⁹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	17,06%	15,34%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	12,74%	32,84%

⁹ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 14 (Tài chính) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

2. Kết quả thu chi hoạt động¹⁰

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	185.56	160.90
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	23.91	25.65
II	Thu giáo dục và đào tạo	151.83	131.13
1	Học phí, lệ phí từ người học	134.19	111.98
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0.90	0
4	Thu khác	16.74	19.15
III	Thu khoa học và công nghệ	9.82	4.12
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	9.82	4.12
3	Thu khác	0	0
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	0	0
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	144.92	133.15
I	Chi lương, thu nhập	84.68	75.53
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	59.28	52.87
2	Chi lương, thu nhập của cán bộ khác	25.40	22.66
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	22.99	25.96
1	Chi cho đào tạo	10.92	10.68
2	Chi cho nghiên cứu	4.37	4.35
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0.54	0.27
4	Chi phí chung và chi khác	7.17	10.66
III	Chi hỗ trợ người học	20.71	17.67
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	19.24	16.15
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0.90	1.12
3	Chi hoạt động khác	0.57	0.40
IV	Chi khác	16.54	13.99
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	40.64	27.75

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



T.S. Nguyễn Hữu Bình

¹⁰ Thống nhất với số liệu trong Biểu mẫu số liệu báo cáo thực hiện Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; không bao gồm kinh phí đầu tư